

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 7 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Nguyễn Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã ĐB, huyện C, thành phố H.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm M, thôn T, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Nam Hà, Tổng cục VIII, Bộ Công an (đóng tại xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962.

- Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Xóm M, thôn T, xã N, huyện K, tỉnh H.

Phiên tòa có mặt chị Th; vắng mặt anh H, bà H, anh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày: Chị và anh Đỗ Văn H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 04 tháng 11 năm 2009. Sau khi cưới, vợ chồng ra thuê nhà ở riêng tại quê đẻ của chị ở xã ĐB, huyện C, thành phố H để làm ăn sinh sống. Đến ngày 23 tháng 5 năm 2011,

vợ chồng chị đến Ủy ban nhân dân xã DB, huyện C, thành phố H để đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị tiếp tục chung sống hạnh phúc tại thành phố H cho đến năm 2015 thì vợ chồng chị chuyển về nhà mẹ chồng là bà Phạm Thị H tại xóm M, thôn T, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để ở. Khi về sinh sống tại nhà bà H, anh H đã bị bạn bè xấu rủ rê chơi bời rồi mắc nghiện ma túy, bản thân chị và gia đình đã khuyên giải nhưng anh H không chịu từ bỏ ma túy mà ngày càng sử dụng nhiều hơn, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cãi chửi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến khoảng tháng 4 năm 2016, anh H bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 09 năm tù. Sau khi anh H bị bắt một thời gian, khoảng tháng 02 năm 2017 chị đã bỏ về nhà đẻ tại thôn Đ, xã DB, huyện C, thành phố H để ở nhờ và làm ăn. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

Về con cái: Vợ chồng chị không có con riêng và chỉ có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hoài A, sinh ngày 23/6/2010, hiện nay cháu đang ở với bà nội và bác ruột là bà Phạm Thị H và anh Phạm Văn H1. Lý do cháu A đang ở với bà H và anh H1 là vì khi chị về nhà đẻ chị có nhờ bà H và anh H1 trông nom cháu A giúp để chị đi làm lấy tiền nuôi con. Nay công việc của chị đã ổn định, nên sau khi ly hôn chị xin được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, kể từ nay cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con vì anh H còn đang phải chấp hành án phạt tù.

Về tài sản chung, riêng; công nợ; diện tích đất nông nghiệp và công sức đóng góp: Cho đến nay vợ chồng chị không có tài sản chung, riêng gì; vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không được địa phương giao chung đất ruộng cấy, không đóng góp được tài sản, công sức gì đối với hai bên gia đình. Nên khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2018, bị đơn là anh Đỗ Văn H xác nhận và trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thời gian và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đúng như chị Th đã khai. Nay chị Th xin ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con cái: Anh H xác nhận vợ chồng không có con riêng và chỉ có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hoài A, sinh ngày 23/6/2010, hiện nay cháu đang ở với bà nội và bác ruột. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh đề nghị tiếp tục nhờ mẹ và anh trai anh nuôi giúp cháu Đỗ Thị Hoài A, để sau khi ra trại anh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Nếu không được anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Anh H xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại các bản tự khai cùng ngày 21 tháng 6 năm 2018, bà Phạm Thị H và anh Phạm Văn H1 cùng thống nhất xác nhận, trình bày: Từ khi chị Th về nhà để ở cho đến nay, cháu A ở với bà H và anh H1, tuy nhiên chị Th vẫn thường xuyên về thăm nom, chăm sóc, đóng góp tiền ăn học cho con. Nay nếu chị Th, anh H ly hôn, bà H và anh H1 đề nghị giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu A, vì hiện tại anh H đang phải chấp hành án, không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung. Riêng việc chi phí nuôi dưỡng cháu A trong thời gian chị Th gửi cháu để đi làm, bà H và anh H1 xác định đây là lương tâm, trách nhiệm của bà và bác đối với cháu, bên cạnh đó chị Th đã đóng góp đầy đủ tiền học và tiền ăn cho cháu A, nên bà H và anh H1 không yêu cầu Tòa án phải giải quyết gì về phần chi phí, công sức mà bà H và anh H1 đã bỏ ra để nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hoài A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Đỗ Văn H; giao cháu Đỗ Thị Hoài A, sinh ngày 23/6/2010 cho chị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th; ngoài ra còn đề nghị về án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H và anh Phạm Văn H1 đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Đỗ Văn H lấy nhau tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐB, huyện C, thành phố H ngày 23 tháng 5 năm 2011. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau ngày cưới, vợ chồng đã có thời gian chung

sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng thật đáng tiếc là do anh H không làm chủ được bản thân đã bị bạn bè rủ rê chơi bời, dẫn đến nghiện hút, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Khi anh H bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy, cũng là lúc mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hơn và chị Th đã bỏ về quê để sinh sống, từ đó hai bên không còn quan tâm gì đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay chị Th, anh H cùng thừa nhận tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa chị Th, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần xem xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Đỗ Văn H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Th và anh H có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hoài A, sinh ngày 23/6/2010, hiện đang ở với bà nội và bác ruột là bà H và anh H1. Xét đề nghị của hai bên đều mong muốn được nuôi con chung, đây là nguyện vọng hoàn toàn đúng đắn của các đương sự. Tuy nhiên, hiện nay anh H đang phải chấp hành án tại Trại giam, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bên cạnh đó bà H và anh H1 đều đề nghị giao cháu A cho chị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục khi chị Th, anh H ly hôn. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu A về trước mắt cũng như lâu dài, cần giao cháu A cho chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với lý do anh H đang phải chấp hành án tại Trại giam, không có điều kiện cấp dưỡng. Đây là sự tự nguyện của chị Th, nên cần chấp nhận.

[4] Về con riêng; tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Cả hai cùng khai thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có gì, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Đối với chi phí, công sức bà H và anh H1 bỏ ra chăm sóc cháu A từ khi chị Th về nhà để cho đến nay, nhưng bà H, anh H1 xác định đó là trách nhiệm của bà và bác, nên không yêu cầu chị Th, anh H phải thanh toán cho bà H và anh H1, vì vậy không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Th và anh H thuận tình ly hôn, đáng lẽ mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng do chị Th xin chịu toàn bộ án phí (xin chịu thay cho cả phần án phí của anh H), nên cần chấp nhận sự tự nguyện này, giao chị Th chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án

phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Hoài A, sinh ngày 23/6/2010 cho chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001357 ngày 16/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, chị Th đã nộp đủ tiền án phí. Anh H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đỗ Văn H, bà Phạm Thị H và anh Phạm Văn H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã ĐB, huyện C, thành phố H;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh